

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 001_DH13C Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD203 Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC	Anh					6,8	0012345678910	0123456789
2	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC	Pham					7,8	0012345678910	0123456789
3	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC	Anh					7,6	0012345678910	0123456789
4	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC	Bao					8,0	0012345678910	0123456789
5	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC	Bao					7,2	0012345678910	0123456789
6	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC	Binh					7,2	0012345678910	0123456789
7	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC	Chung					8,2	0012345678910	0123456789
8	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC	Cuong					7,2	0012345678910	0123456789
9	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC	Cuong					7,2	0012345678910	0123456789
10	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC	Dung					8,2	0012345678910	0123456789
11	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC	Duy					8,6	0012345678910	0123456789
12	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC	Duy					7,6	0012345678910	0123456789
13	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC	Du					7,2	0012345678910	0123456789
14	13118109	Phạm Đại	DH13CC	Đại					7,8	0012345678910	0123456789
15	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC	Đại					7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204200



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm ⁰¹ Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 001_DH13C Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD203 Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC						7,2	001234567890	0123456789
17	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC						8,1	001234567890	0123456789
18	13118012	Trần Vũ Tài Đức	DH13CC	✓					✓	001234567890	0123456789
19	13118120	Trần Cư Được	DH13CC						2,8	001234567890	0123456789
20	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC						8,2	001234567890	0123456789
21	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC						7,6	001234567890	0123456789
22	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC						8,2	001234567890	0123456789
23	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC						7,8	001234567890	0123456789
24	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC						2,2	001234567890	0123456789
25	13118152	Bùi Văn Hợi	DH13CC						7,6	001234567890	0123456789
26	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC						7,8	001234567890	0123456789
27	12118084	Trần Quang Hưng	DH12CC						7,8	001234567890	0123456789
28	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC						2,6	001234567890	0123456789
29	13118180	Nguyễn Hồng Khánh	DH13CC	✓					✓	001234567890	0123456789
30	13118183	Trương Nhật Khánh	DH13CC						7,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204200



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Vận hành BD& S.chức máy CBNSTP (207201) - 001_DH13C** ⁰¹ Số Tin Ch 3

Ngày Thi **27/12/2016** Giờ Thi: **09:30** Phòng Thi **HD203** Giảng viên: **Bùi Ngọc Hùng**

Lớp **DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118184	Võ Văn Khiêm	DH13CC						7,8	001234567890	0123456789
32	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC						7,2	001234567890	0123456789
33	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC						7,6	001234567890	0123456789
34	13118190	Trần Văn La	DH13CC						8,2	001234567890	0123456789
35	13118194	Lê Hoàng Lê	DH13CC						8,0	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 002_DH13C⁰¹ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV202 Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP) Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC						8,0	0012345678910	0123456789
2	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC						8,2	0012345678910	0123456789
3	13118202	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CC						7,4	0012345678910	0123456789
4	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC						7,2	0012345678910	0123456789
5	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC						7,2	0012345678910	0123456789
6	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC						7,2	0012345678910	0123456789
7	13118037	Nguyễn Nhật	DH13CC						7,8	0012345678910	0123456789
8	13118227	Phan Văn Nhật	DH13CC						8,0	0012345678910	0123456789
9	13118236	Đặng Đình Phở	DH13CC						7,8	0012345678910	0123456789
10	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC						7,8	0012345678910	0123456789
11	13118240	Huỳnh Hữu Phước	DH13CC						✓	0012345678910	0123456789
12	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC						7,6	0012345678910	0123456789
13	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC						8,2	0012345678910	0123456789
14	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC						7,8	0012345678910	0123456789
15	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC						7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204201



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 002_DH13C⁰¹ Số Tín Ch. 3

Ngày Thi 27/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV202 Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

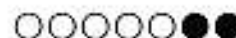
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC						8,2	0012345678910	0123456789
17	13118260	Lê Nguyễn Thành Tài	DH13CC						8,0	0012345678910	0123456789
18	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC						7,2	0012345678910	0123456789
19	13118267	Trương Minh Tâm	DH13CC						8,2	0012345678910	0123456789
20	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC						8,6	0012345678910	0123456789
21	13118052	Cao Ngọc Thuận	DH13CC						8,6	0012345678910	0123456789
22	13118053	Trần Thế Thiện	DH13CC						8,6	0012345678910	0123456789
23	13118284	Lâm Văn Thiết	DH13CC						8,0	0012345678910	0123456789
24	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC						7,8	0012345678910	0123456789
25	13118056	Võ Đức Tiến	DH13CC						7,8	0012345678910	0123456789
26	13118301	Lê Đức Tín	DH13CC						7,2	0012345678910	0123456789
27	13118365	Trần Văn Tịnh	DH13CC						8,2	0012345678910	0123456789
28	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC						7,2	0012345678910	0123456789
29	13118308	Phạm Văn Tráng	DH13CC						7,6	0012345678910	0123456789
30	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC						8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204201



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 002_DH13C⁰¹ Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV202 Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

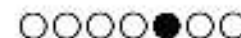
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quân NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118319	Nguyễn Huy	Trung	DH13CC					7,2	0012345678910	0123456789
32	13118323	Bùi Văn	Truyền	DH13CC					8,2	0012345678910	0123456789
33	13118326	Nguyễn Nhật	Trường	DH13CC					7,6	0012345678910	0123456789
34	13118344	Bùi Văn	Tú	DH13CC					8,2	0012345678910	0123456789
35	13118331	Hoàng Văn	Tuấn	DH13CC					7,4	0012345678910	0123456789
36	13118333	Nguyễn Anh	Tuấn	DH13CC					7,4	0012345678910	0123456789
37	13118061	Nguyễn Duy	Tuấn	DH13CC					8,2	0012345678910	0123456789
38	13118334	Nguyễn Duy	Tuấn	DH13CC					7,8	0012345678910	0123456789
39	12118101	Nguyễn Thuận	Tùng	DH12CC					7,8	0012345678910	0123456789
40	13118342	Nguyễn Xuân	Tùng	DH13CC					8,2	0012345678910	0123456789
41	13118063	Lê Văn	Tạ	DH13CC					8,2	0012345678910	0123456789
42	13118347	Mai Hoài	Tạ	DH13CC					8,2	0012345678910	0123456789
43	13118349	Dương Đức	Vinh	DH13CC					7,9	0012345678910	0123456789
44	13118065	Lương Hoài	Vinh	DH13CC					7,6	0012345678910	0123456789
45	13118353	Hoàng Đức	Vũ	DH13CC					7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204201



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 002_DH13C⁰¹ Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV202 Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC						7,8	0012345678910	0123456789
47	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC						7,2	0012345678910	0123456789
48	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	DH12CC						7,8	0012345678910	0123456789
49	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC						8,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng: A...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Công nghệ sản xuất đường mía (207211) - 001_DH13CC_01 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 26/12/2016 - Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD104 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Đ Số 40	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC			6	7	4,5	5,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC			8	4	5	5,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC			8	6	5,5	6,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC			6	0	4,5	4,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			9	8	6	6,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			8	7	5	5,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC			9	7	6	6,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13118110	Phạm Minh Đạt	DH13CC			9	7	6	6,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			8	7	3,5	4,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13118012	Trần Vũ Tài Đức	DH13CC		✓				✓	● ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			9	7	4,5	5,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			9	5	6	6,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC			8	4	5,5	5,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			8	8	6,5	7,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC			9	5	6	6,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 204205



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Công nghệ sản xuất đường mía (207211) - 001_DH13CC_01 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 26/12/2016 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD104 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số 20	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC	<i>Hoàng</i>	2	9	2	7	6,6	0012345678910	0123456789
17	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC	<i>Kha</i>		10	7	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
18	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC	<i>Ki</i>		8	6	6	6,3	0012345678910	0123456789
19	13118194	Lê Hoàng Lê	DH13CC	<i>HL</i>		10	8	9	9,0	0012345678910	0123456789
20	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC	<i>Linh</i>		9	6,5	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
21	14118037	Trần Đình Hải	DH14CC	<i>Hải</i>		10	6,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
22	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC	<i>Nam</i>		8	5	5	5,5	0012345678910	0123456789
23	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC	<i>Ng</i>		9	7	6	6,6	0012345678910	0123456789
24	14118208	Vô Tấn Nguyên	DH14CC	<i>Ng</i>		8	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
25	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC	<i>Nh</i>		8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
26	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC	<i>Ph</i>		9	7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
27	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC	<i>Ph</i>		9	7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
28	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC	<i>Quang</i>		8	7	3	4,4	0012345678910	0123456789
29	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC	<i>Quy</i>		9	7,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
30	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC	<i>Son</i>		9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204205



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

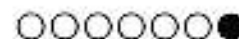
Môn Học/ Nhóm Công nghệ sản xuất đường mía (207211) - 001_DH13CC_01 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 26/12/2016 - Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD104 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 15%	D.Số 70	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC			9	6	6	6,5	0012345678910	0123456789
32	14118063	Huỳnh Ngân Tâm	DH14CC			9	6	4	5,1	0012345678910	0123456789
33	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC			9	6	4	5,1	0012345678910	0123456789
34	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
35	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			8	6,5	5	5,7	0012345678910	0123456789
36	14118080	Cao Văn Trình	DH14CC			8	7	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
37	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			8	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
38	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			8	7	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
39	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC			6	5	4	4,5	0012345678910	0123456789
40	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			9	6,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
41	13118347	Mai Hoài Tựu	DH13CC			9	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
42	13118349	Đương Đức Vinh	DH13CC			10	5,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
43	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC			9	7	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
44	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			9	7	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
45	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			8	8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Máy và thiết bị phân ly (207214) - 001_DH14CC_01**

Số Tin Ch. 2

Ngày Thi **29/12/2016** Giờ Thi: **14:45** Phòng Thi **HD303** Giảng viên: **Nguyễn Thanh Phong**

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC			1,0	1,5	4,9	7,4	0012345678910	0123456789
2	13118074	Vũ Đông Phạm Anh	DH13CC			1,0	1,8	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
3	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC			1,0	1,8	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
4	14118104	Nguyễn Tấn Bảo	DH14CC							0012345678910	0123456789
5	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			1,0	1,2	3,6	5,8	0012345678910	0123456789
6	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			1,0	1,1	3,3	5,4	0012345678910	0123456789
7	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC			1,0	1,2	4,5	6,7	0012345678910	0123456789
8	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			1,0	1,8	3,6	6,4	0012345678910	0123456789
9	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC			1,0	1,1	4,2	6,3	0012345678910	0123456789
10	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			1,0	1,8	4,5	7,3	0012345678910	0123456789
11	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC			1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
12	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC			1,0	1,2	4,5	6,7	0012345678910	0123456789
13	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			1,0	0,9	5,1	7,0	0012345678910	0123456789
14	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			1,0	1,4	2,1	4,5	0012345678910	0123456789
15	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			1,0	1,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204206



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị phân ly (207214) - 001_DHI4CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 29/12/2016 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

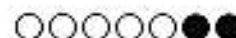
Lớp DHI4CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DHI4CC			1,0	1,5	1,2	3,7	001234567890	0123456789
17	12118033	Đỗ Văn Hải	DHI2CC			1,0	1,5	3,3	5,8	001234567890	0123456789
18	14118154	Lê Doãn Hào	DHI4CC			1,0	1,8	5,1	7,9	001234567890	0123456789
19	14118160	Vũ Đức Hiệp	DHI4CC			1,0	1,5	2,7	5,2	001234567890	0123456789
20	14118029	Đào Văn Huy	DHI4CC			1,0	1,5	1,8	4,3	001234567890	0123456789
21	14118031	Nguyễn Trường Huy	DHI4CC			1,0	0,9	3,0	4,9	001234567890	0123456789
22	14118178	Trần Ngọc Hưng	DHI4CC			1,0	1,8	3,9	6,7	001234567890	0123456789
23	14118181	Phạm Duy Khanh	DHI4CC			1,0	1,5	4,8	7,3	001234567890	0123456789
24	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DHI4CC			1,0	1,8	2,4	5,2	001234567890	0123456789
25	13118022	Trần Anh Kiệt	DHI3CC			1,0	1,4	4,8	7,2	001234567890	0123456789
26	14118037	Trần Đình Hải Long	DHI4CC			1,0	1,8	2,7	5,5	001234567890	0123456789
27	14118193	Trần Như Long	DHI4CC			1,0	1,8	3,9	6,7	001234567890	0123456789
28	14118040	Hoàng Vương Nam	DHI4CC			1,0	1,5	4,5	7,0	001234567890	0123456789
29	14118208	Vũ Tấn Nguyên	DHI4CC			1,0	1,5	4,8	7,3	001234567890	0123456789
30	14118045	Trần Trọng Nhân	DHI4CC			1,0	1,5	4,5	7,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204206



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Máy và thiết bị phân ly (207214) - 001_DH14CC_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 29/12/2016 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

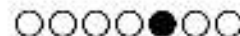
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC			1,0	1,2	4,8	7,0	0012345678910	0123456789
32	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC			1,0	1,8	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
33	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
34	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
35	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC			1,0	1,8	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
36	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC			1,0	1,8	0,6	3,4	0012345678910	0123456789
37	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			1,0	1,5	0,6	3,1	0012345678910	0123456789
38	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC			1,0	1,8	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
39	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC			1,0	1,8	5,7	8,5	0012345678910	0123456789
40	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			1,0	1,5	3,6	6,1	0012345678910	0123456789
41	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC			1,0	1,4	5,4	7,9	0012345678910	0123456789
42	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			1,0	1,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
43	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			1,0	0,9	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
44	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC			1,0	1,5	5,4	7,9	0012345678910	0123456789
45	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			1,0	1,8	2,1	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204206



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị phân ly (207214) - 001_DH14CC_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 29/12/2016 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13118056	Võ Đức Tiến	DH13CC	Tiến		1,0	0,9	3,9	5,8	00012345678910	0123456789
47	14118076	Nguyễn Văn Toàn	DH14CC	Toàn		1,0	1,2	1,2	3,4	00012345678910	0123456789
48	13118319	Nguyễn Huy Trung	DH13CC	Trung		0,0	1,2	3,3	4,5	00012345678910	0123456789
49	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC	Truyền		1,0	1,5	3,9	6,4	00012345678910	0123456789
50	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC	Tú		1,0	1,2	3,0	5,2	00012345678910	0123456789
51	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC	Tuấn		0,0	2,3	3,6	5,9	00012345678910	0123456789
52	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC	Tuấn		1,0	1,4	4,8	7,2	00012345678910	0123456789
53	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC	Tuấn		1,0	1,5	4,8	7,3	00012345678910	0123456789
54	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC	Tuấn		1,0	1,5	4,8	7,3	00012345678910	0123456789
55	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC	Tuấn		1,0	2,1	3,6	6,7	00012345678910	0123456789
56	14118089	Nguyễn Nhật Tuyên	DH14CC	Tuyên		1,0	1,5	0,9	3,4	00012345678910	0123456789
57	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC	Vinh		1,0	1,5	4,2	6,7	00012345678910	0123456789
58	14118094	Lê Minh Vũ	DH14CC	Vũ		1,0	1,8	2,4	5,2	00012345678910	0123456789
59	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC	Vũ		1,0	1,2	4,5	6,7	00012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Máy và thiết bị thủy khí (207215) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC	✓	✓				✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC	<i>luc</i>					7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC	<i>Pham</i>					6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118104	Nguyễn Tấn Bảo	DH14CC	✓	✓				✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC	<i>BK</i>					6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC	<i>Th</i>					5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC	<i>Chau</i>					7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC	<i>chun</i>					8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118005	Đỗ Thánh Chung	DH13CC	<i>St</i>					5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC	<i>Pham</i>					5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC	<i>en</i>					5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC	<i>Cường</i>					5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC	<i>R</i>					6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC	<i>anh</i>					7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC	<i>Duy</i>					5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 204207



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị thủy khí (207215) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016 - Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

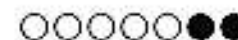
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118109	Phạm Đại	DH13CC						6	001234567890	0123456789
17	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC						8	001234567890	0123456789
18	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC						6	001234567890	0123456789
19	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC						5	001234567890	0123456789
20	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC						5	001234567890	0123456789
21	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC						4	001234567890	0123456789
22	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC						8	001234567890	0123456789
23	13118120	Trần Cư Được	DH13CC						9	001234567890	0123456789
24	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC						6	001234567890	0123456789
25	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC						6	001234567890	0123456789
26	14118149	Hà Văn Gino	DH14CC						5	001234567890	0123456789
27	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC						3	001234567890	0123456789
28	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC						5	001234567890	0123456789
29	14118154	Lê Doãn Hào	DH14CC						9	001234567890	0123456789
30	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC						5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204207



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm: Máy và thiết bị thủy khí (207215) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: HD303

Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC						7	0012345678910	0123456789
32	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC						6	0012345678910	0123456789
33	14118167	Nguyễn Văn Hòa	DH14CC						5	0012345678910	0123456789
34	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC						7	0012345678910	0123456789
35	12118042	Nguyễn Dương Hoàng Huy	DH12CC						5	0012345678910	0123456789
36	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC						5	0012345678910	0123456789
37	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC						10	0012345678910	0123456789
38	12118109	Vũ Như Khái	DH12CC		✓				✓	0012345678910	0123456789
39	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC						2	0012345678910	0123456789
40	13118183	Trương Nhật Khánh	DH13CC						7	0012345678910	0123456789
41	13118184	Vô Văn Khiêm	DH13CC						6	0012345678910	0123456789
42	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC						2	0012345678910	0123456789
43	14118036	Nguyễn Thành Lê	DH14CC						4	0012345678910	0123456789
44	14118037	Trần Đình Hải Long	DH14CC						6	0012345678910	0123456789
45	14118193	Trần Như Long	DH14CC						5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204207



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị thủy khí (207215) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

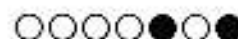
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trung 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC	Nam					6	0012345678910	0123456789
47	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC	Nguyên					1	0012345678910	0123456789
48	14118208	Võ Tấn Nguyên	DH14CC	N					9	0012345678910	0123456789
49	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC	Nh					6	0012345678910	0123456789
50	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC	Nh					6	0012345678910	0123456789
51	13118037	Nguyễn Nhut	DH13CC	Nh					2	0012345678910	0123456789
52	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC	Ph					2	0012345678910	0123456789
53	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC	Ph					5	0012345678910	0123456789
54	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC	Phong					4	0012345678910	0123456789
55	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC	Ph					6	0012345678910	0123456789
56	13118240	Huỳnh Hữu Phước	DH13CC	✓	✓				✓	0012345678910	0123456789
57	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC	Ph					5	0012345678910	0123456789
58	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	Ph					2	0012345678910	0123456789
59	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC	Quang					5	0012345678910	0123456789
60	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC	Quốc					7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204207



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Máy và thiết bị thủy khí (207215) - 001_DHI4CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

Lớp DHI4CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm IR
61	14118059	Lê Văn Quyền	DHI4CC						6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	14118238	Trương Tuấn Sang	DHI4CC						3	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	13118046	Kim Thái Sơn	DHI3CC						6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DHI4CC						5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DHI3CC						10	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
66	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DHI4CC						6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
67	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DHI4CC						3	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	13118052	Cao Ngọc Thận	DHI3CC						7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DHI4CC						4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	13118284	Lâm Văn Thiệt	DHI3CC						7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DHI4CC						1	○①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
72	14118274	Trần Văn Thương	DHI4CC						8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
73	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DHI3CC						5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
74	14118074	Phạm Đình Tiến	DHI4CC						5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
75	13118056	Vô Đức Tiến	DHI3CC						2	○①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy và thiết bị thủy khí (207215) - 002_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 28/12/2016 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi RD401 Giảng viên: Nguyễn Thanh Nghị

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC						3	○ ○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC						5	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC						5	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118308	Phạm Văn Tráng	DH13CC						5	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118080	Cao Văn Trình	DH14CC						5	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC						8	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC						7	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC						6	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC						6	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC						2	○ ○ ○ ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC						3	○ ○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC						✓	● ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC						1	○ ○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC						7	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC						5	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 204208



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Máy và thiết bị thủy khí (207215) - 002_DHI4CC_01**Số Tin Ch **2**Ngày Thi **28/12/2016** Giờ Thi: **09:30** Phòng Thi **RD401** Giảng viên: **Nguyễn Thanh Nghị**Lớp **DHI3CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118349	Dương Đức Vinh	DHI3CC						10	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13118065	Lương Hoài Vinh	DHI3CC						2	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118310	Trần Hữu Cường	DHI4CC						2	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	14118094	Lê Minh Vũ	DHI4CC						3	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13118353	Hoàng Đức Vũ	DHI3CC						7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13118354	Lê Lương Tuấn	DHI3CC						6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13118066	Nguyễn Thế Cường	DHI3CC						3	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi: **26** Số sinh viên vắng: **1**....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Phan Minh Hiền

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

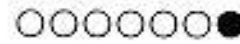
Xác nhận của Bộ Môn

Hoàng Kiều Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thanh Nghị

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

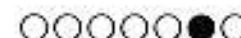
DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lư
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD			9	8	2,0	5,3	001234567890	0123456789
2	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			6	8	0,5	3,7	001234567890	0123456789
3	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC			6	9	5	6,1	001234567890	0123456789
4	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			6	8	2,5	4,7	001234567890	0123456789
5	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC			8	8	4	6,0	001234567890	0123456789
6	13137015	Phạm Thái Minh Bảo	DH13NL			9	9	4,5	6,8	001234567890	0123456789
7	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC			6	8	3,0	4,9	001234567890	0123456789
8	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			6	6	3,5	4,8	001234567890	0123456789
9	14118007	Vô Văn Cảnh	DH14CK			8	6	6	6,6	001234567890	0123456789
10	13118092	Phạm Hồng Cường	DH13CC			8	7	5	6,3	001234567890	0123456789
11	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC			8	7	6,5	7,1	001234567890	0123456789
12	14138007	Sầm Văn Đạo	DH14TD			9	8	4	6,3	001234567890	0123456789
13	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL			6	9	4	5,6	001234567890	0123456789
14	14138045	Nguyễn Thành Đạt	DH14TD			8	8	5,5	6,8	001234567890	0123456789
15	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL			6	7	1	3,7	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204209



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

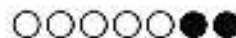
Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD			6	9	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
17	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			8	9	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
18	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			6	8	4	5,4	0012345678910	0123456789
19	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DH13NL			8	8	2	5,0	0012345678910	0123456789
20	13137002	Nguyễn Tấn Hậu	DH13NL			6	8	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
21	13138074	Kiểu Việt Hiệp	DH13TD						✓	0012345678910	0123456789
22	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD			8	8	1,5	4,8	0012345678910	0123456789
23	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			7	7	4	5,5	0012345678910	0123456789
24	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI						✓	0012345678910	0123456789
25	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			8	6	4	5,6	0012345678910	0123456789
26	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK			8	8	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
27	14138014	Trần Quang Khải	DH14TD			8	9	5	6,7	0012345678910	0123456789
28	14138058	Nguyễn Đăng Khoa	DH14TD			6	9	3	5,1	0012345678910	0123456789
29	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD			7	8	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
30	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			8	8	4	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204209



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 001_DH13CK_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 20 %	D3 50 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13137080	Lê Thành	Khởi	DH13NL		6	7	3	4,7	0012345678910	0123456789
32	13118022	Trần Anh	Kiệt	DH13CC		6	7	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
33	13118023	Đoàn Nguyễn Anh	Kim	DH13CC		8	7	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
34	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	Lâm	DH14TD		7	9	3	5,4	0012345678910	0123456789
35	13138103	Nguyễn Đình	Lân	DH13TD		8	8	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
36	13118196	Lê Văn	Linh	DH13CC		8	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
37	14138019	Nguyễn Thành	Luân	DH14TD		8	8	1	4,5	0012345678910	0123456789
38	14138068	Võ Lê Hoài	Nam	DH14TD		9	8	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
39	14138070	Lê Thành	Nghĩa	DH14TD		9	8	4,5	6,6	0012345678910	0123456789
40	14138071	Nguyễn Thị Kiều	Ngoun	DH14TD		8	10	4,5	6,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 40 Số sinh viên vắng: 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Lê Quang Hải

Cán bộ coi thi 2

Cao Đức Lợi

Xác nhận của Bộ Môn

Đỗ Xuân Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Hải Đăng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Máy nâng chuyển (207217) - 002_DH13CK_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD304 Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 20 %	Đ.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138072	Nguyễn Vũ	Nguyễn	DH14TD		9	9	6	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13118221	Vô Văn	Nguyễn	DH13CK		6	8	3,5	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14138073	Nguyễn Thành	Nhân	DH14TD		9	8	4,5	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	14138021	Trần Duy	Nhân	DH14TD		8	6	3	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13118037	Nguyễn	Nhật	DH13CC		8	7	3	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13118230	Cao Hoàng	Phi	DH13CK		8	9	5	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13137106	Nguyễn Thanh	Phong	DH13NL		9	6	4,0	3,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14118050	Nguyễn Thành	Phong	DH14CK		9	6	4,5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13118039	Huỳnh Hồng	Phúc	DH13CK		8	8	2	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13137110	Nguyễn Minh	Phúc	DH13NL		9	8	3,5	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14118221	Nguyễn Thanh	Phương	DH14CK		9	9	5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14138026	Nguyễn Thanh	Quang	DH14TD		8	9	4,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14138027	Phạm Nhật	Quang	DH14TD		6	8	3,5	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13118249	Tạ Văn	Quyển	DH13CK		7	8	4	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13137116	Nguyễn Đức	Reo	DH13NL		7	9	4,5	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 204210



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 002_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138016	Ngô Tất Sang	DH13TD			8	8	4,5	6,3	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
17	13137119	Nguyễn Hải Sơn	DH13NL			8	8	2,5	5,3	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
18	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC			9	7	4,5	6,4	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
19	14138028	Phạm Văn Sỹ	DH14TD			6	9	4,5	5,9	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
20	14118062	Đỗ Văn Tài	DH14CK			8	8	2,5	5,3	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
21	13138190	Trần Văn Tấn	DH13TD						✓	●○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
22	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK			7	8	2,5	5,0	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
23	14138091	Dương Thanh Thảo	DH14TD						✓	●○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
24	14137073	Nguyễn Thanh Thế	DH14NL			6	8	4,5	5,7	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
25	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC			8	9	6,5	7,5	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
26	14138100	Nguyễn Văn Tinh	DH14TD			9	8	4,5	6,6	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
27	13118306	Nguyễn Chu	DH13CC			7	7	4	5,5	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
28	12118095	Dương Công Trạch	DH12CK			7	8	4	5,7	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
29	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			9	8	6,5	7,6	○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○
30	13118319	Nguyễn Huy	DH13CC						✓	●○●○●○●○●○●○●○●○●○	○●○●○●○●○●○●○●○●○



Mã nhận dạng 204210



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy nâng chuyển (207217) - 002_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng

Lớp

DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	D.Số 50	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14138109	Nguyễn Thái Trường	DH14TD			5	8	3	4,6	0012345678910	0123456789
32	14137006	Triệu Kim Tú	DH14NL			8	8	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
33	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			5	8	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
34	13138255	Phùng Anh Vi	DH13TD						✓	0012345678910	0123456789
35	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			8	8	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
36	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			7	7	3	5,0	0012345678910	0123456789

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Số sinh viên dự thi: 32. Số sinh viên vắng: 4.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đỗ Hải Đăng

Nguyễn Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 05

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC							○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC			9,0	8,0	8,0	8,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC							○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			9,0	8,0	7,0	7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC			9,0	8,5	7,5	8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC			9,0	8,0	7,5	7,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	13118109	Phạm Đại	DH13CC			9,0	7,0	7,5	7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC			9,0	7,5	7,5	7,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
16	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			7,0	7,5	8,5	8,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
17	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC			9,0	8,0	9,0	8,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
18	13118120	Trần Cư Được	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 05

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			9,0	7,5	5,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			9,0	7,5	6,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118152	Bùi Văn Hợi	DH13CC			7,0	8,5	9,0	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			9,0	7,5	7,5	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118084	Trần Quang Hưng	DH12CC			9,0	7,5	8,5	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC			9,0	7,5	8,5	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118180	Nguyễn Hồng Khánh	DH13CC							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118183	Trương Nhật Khánh	DH13CC			9,0	7,5	8,5	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118184	Võ Văn Khiêm	DH13CC			7,0	8,5	8,0	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC			7,0	7,0	7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118190	Trần Văn La	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 05

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13118194	Lê Hoàng Lê	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
38	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC			9,0	8,0	9,0	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
39	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	13118202	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
41	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC			7,0	8,5	9,0	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC			9,0	8,0	8,5	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
43	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyễn	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
44	13118037	Nguyễn Nhật	DH13CC			9,0	8,0	8,0	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	13118227	Phan Văn Nhật	DH13CC			9,0	8,0	8,5	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
46	13118236	Đặng Đình Phổ	DH13CC			9,0	7,5	9,0	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
47	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC			9,0	7,0	9,0	8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
48	13118240	Huỳnh Hữu Phước	DH13CC							○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
49	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC			9,0	7,5	7,5	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC			7,0	8,5	6,0	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC			7,0	8,5	9,0	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	13118260	Lê Nguyễn Thánh Tài	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 05

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
55	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
56	13118267	Trương Minh Tâm	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
57	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	13118052	Cao Ngọc Thận	DH13CC			9,0	8,0	8,5	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
59	13118053	Trần Thế Thiện	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
60	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC			9,0	8,5	7,0	7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
61	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC			9,0	7,5	8,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	13118056	Vũ Đức Tiến	DH13CC			9,0	7,5	5,0	6,2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC			9,0	7,5	5,5	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
64	13118365	Trần Văn Tịnh	DH13CC			9,0	8,0	8,5	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
65	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			7,0	8,0	7,5	7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
66	13118308	Phạm Văn Trảng	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
67	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
68	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			9,0	8,0	8,5	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
69	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			9,0	8,0	7,5	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
70	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
71	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			9,0	7,5	8,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
72	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC			9,0	7,5	7,5	7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 05

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
73	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC			9,0	7,5	8,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
74	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			9,0	7,0	6,5	6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
75	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			9,0	8,0	9,0	8,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
76	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			9,0	7,0	7,0	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
77	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC			9,0	7,5	8,5	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
78	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC			9,0	8,0	8,5	8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
79	13118063	Lê Văn Tựa	DH13CC			7,0	8,0	9,0	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
80	13118347	Mai Hoài Tựa	DH13CC			9,0	8,0	7,5	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
81	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
82	13118065	Lương Hoài Vinh	DH13CC			9,0	8,5	5,0	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
83	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			9,0	7,5	8,5	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
84	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC			9,0	7,5	7,5	7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
85	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			9,0	8,5	8,5	8,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
86	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	DH12CC			9,0	7,5	8,5	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
87	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC			9,0	8,5	9,0	8,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑧①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

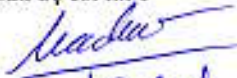
Cán bộ coi thi 1

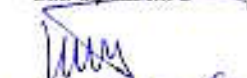
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Anh Đức


Vũ Thị Huệ


Nguyễn Thị Ngọc


Lê Anh Đức

Ngày in : 29/11/2016 15:09



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 001_DH15NL_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 10/01/2017 : Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD201 Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			9,0	3,0	6,0	5,4	0012345678910	0123456789
2	15137002	Võ Trường An	DH15NL			8,0	6,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	15137003	Chu Động Quốc	DH15NL			9,0	3,5	4,0	4,4	0012345678910	0123456789
4	14118002	Lê Văn Thế	DH14CC			9,0	5,0	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
5	15137006	Mai Thế	DH13NL			8,0	4,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
6	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			8,0	6,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
7	15137005	Nguyễn Đức	DH15NL			8,0	7,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
8	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			9,0	5,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
9	14118118	Phạm Đức	DH14CC			9,0	8,0	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
10	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			9,0	2,5	4,5	4,4	0012345678910	0123456789
11	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			7,0	1,0	6,0	4,6	0012345678910	0123456789
12	15137010	Từ Khắc	DH15NL						V	0012345678910	0123456789
13	14118014	Nguyễn Bảo	DH14CC			9,0	8,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
14	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL			9,0	7,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
15	15137008	Châu Trần Minh	DH15NL			9,0	7,5	3,0	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204215



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 001_DH15NL_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi **10/01/2017** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi **RD201** Giảng viên: **Lê Anh Đức**Lớp **DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			9,0	6,0	9,5	8,4	0012345678910	0123456789
17	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL			8,0	2,0	5,0	4,4	0012345678910	0123456789
18	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			9,0	9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
19	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			8,0	9,0	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
20	15137015	Trương Hồng Hải	DH15NL	V					V	0012345678910	0123456789
21	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			9,0	9,0	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
22	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			9,0	9,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
23	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL			9,0	9,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
24	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			9,0	4,5	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
25	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			9,0	9,0	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
26	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			9,0	9,0	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
27	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			9,0	3,5	7,0	6,2	0012345678910	0123456789
28	15137026	Mai Hữu	DH15NL			3,0	0,0	2,0	1,5	0012345678910	0123456789
29	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			9,0	9,0	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
30	15137030	Vũ Gia	DH15NL			9,0	9,0	4,5	6,3	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: **Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 002_DH15NL_01**

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: **10/01/2017** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi: **PV323** Giảng viên: **Lê Anh Đức**

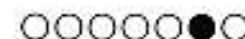
Lớp: **DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			9,0	9,0	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
2	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			8,0	9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
3	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			9,0	8,0	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
4	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC			5,0	3,5	5,0	4,6	0012345678910	0123456789
5	15137032	Nguyễn Bách Khoa	DH15NL			9,0	9,0	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
6	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			9,0	9,0	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
7	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			9,0	9,5	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
8	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL			9,0	7,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			9,0	9,0	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
10	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC			9,0	8,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
11	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			9,0	6,0	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
12	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			9,0	7,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
13	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			8,0	7,5	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
14	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			8,0	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
✓ 15	13118240	Huỳnh Hữu Phước	DH13CC						✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204216



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 002_DH15NL_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 10/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV323

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.SA 60 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lđ
16	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			9,0	7,5	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
17	14137057	Trần Phước	DH14NL			9,0	7,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
18	14118238	Trương Tuấn	DH14CC			9,0	7,0	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
19	15137044	Trần Xuân	DH15NL			9,0	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
20	15137045	Võ Kim	DH15NL			7,0	7,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
21	14118061	Lê Tiến	DH14CC			9,0	9,0	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
22	15137046	Nguyễn Thành	DH15NL			9,0	7,5	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
23	15137047	Phạm Thị Thanh	DH15NL			9,0	9,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
24	15137048	Nguyễn Đình Nhật	DH15NL			8,0	3,0	3,5	3,8	0012345678910	0123456789
25	15137049	Lâm Hồng	DH15NL			9,0	7,5	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
26	14118254	Nguyễn Hữu	DH14CC			9,0	8,5	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
27	15137051	Trần Lê Công	DH15NL			8,0	8,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
28	15137052	Lê Văn	DH15NL			9,0	9,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
29	15137050	Phan Minh	DH15NL			8,0	7,5	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
30	15137053	Bùi Văn	DH15NL			8,0	9,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204216



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 002_DH15NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 10/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV323

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.SA 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			7,0	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
32	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			9,0	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
33	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			9,0	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
34	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			9,0	9,0	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
35	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			9,0	9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
36	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			9,0	9,0	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
37	15137059	Phan Nhật Tiến	DH15NL			8,0	7,0	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
38	15137060	Thái Minh Toàn	DH15NL			9,0	9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
39	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			9,0	7,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
40	14137085	Đình Thành Trọng	DH14NL			7,0	4,0	4,0	4,3	0012345678910	0123456789
41	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			9,0	8,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
42	15137065	Lê Trung	DH15NL			9,0	9,0	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
43	13118326	Nguyễn Nhựt Trường	DH13CC			4,0	4,5	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
✓ 44	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL						✓	0012345678910	0123456789
45	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC			9,0	8,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204216



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm: Nhiệt động lực học kỹ thuật (207220) - 002_DH15NL_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 10/01/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: PV323

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp: DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm 10
46	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			9,0	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
47	14118089	Nguyễn Nhật Tuyên	DH14CC			7,0	3,0	8,0	6,4	0012345678910	0123456789
48	14137095	Trương Thế Vinh	DH14NL			9,0	6,0	9,0	8,1	0012345678910	0123456789
49	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL			9,0	8,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 47 Số sinh viên vắng: 02

Ngày 20 Tháng 1 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Khắc Quân
Phạm Duy Lâm
Đặng Xuân Dũng
Lê Anh Đức

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật xây (207222) - 001_DH13CC_01

Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi: 13/01/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi: RD200 Giảng viên: Lê Anh Đức

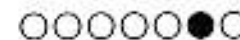
Trang 1

Lớn **DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số 60 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC		✓					001234567890	0123456789
2	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC			8,0	7,0	6,5	6,8	001234567890	0123456789
3	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			9,0	8,0	8,5	8,4	001234567890	0123456789
4	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC			6,0	7,0	5,5	6,0	001234567890	0123456789
5	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC			9,0	9,0	6,5	7,5	001234567890	0123456789
6	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			9,0	6,0	1,5	3,6	001234567890	0123456789
7	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC			9,0	7,0	7,0	7,2	001234567890	0123456789
8	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL			9,0	8,0	9,5	9,0	001234567890	0123456789
9	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC			9,0	8,0	9,0	8,7	001234567890	0123456789
10	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL			8,0	7,0	8,0	7,7	001234567890	0123456789
11	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC			7,0	7,0	8,5	7,9	001234567890	0123456789
12	13118012	Trần Vũ Tài	DH13CC		✓					001234567890	0123456789
13	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC			9,0	8,5	2,0	4,7	001234567890	0123456789
14	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC			9,0	9,0	6,5	7,5	001234567890	0123456789
15	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			9,0	8,0	7,0	7,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 204224



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật sấy (207222) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/01/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi RD200 Giảng viên: Lê Anh Đức

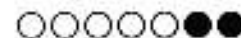
Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Đ.Số 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13137052	Huỳnh Tấn Hạng	DH13NL			8,0	6,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
17	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			9,0	8,0	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
18	13137053	Cao Già Hân	DH13NL			8,0	8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
19	13137001	Nguyễn Duy Hậu	DH13NL			8,0	6,5	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
20	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC			9,0	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
21	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC			9,0	8,0	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
22	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			9,0	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
23	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC			9,0	8,5	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
24	13137068	Lê Văn Hùng	DH13NL			9,0	7,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
25	13137076	Đỗ Đăng Khoa	DH13NL			8,0	7,0	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
26	13137080	Lê Thành Khối	DH13NL			8,0	8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
27	13137081	Vũ Đình Nguyên	DH13NL			9,0	8,0	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
28	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC			9,0	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
29	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			9,0	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
30	13118194	Lê Hoàng Lê	DH13CC			8,0	9,0	9,5	9,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204224



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật sấy (207222) - 001_DH13CC_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/01/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi RD200 Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118036	Nguyễn Thành Lê	DH14CC			7,0	8,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
32	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC			9,0	8,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
33	12137019	Phan Văn Linh	DH12NL			7,0	6,0	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
34	14118193	Trần Như Long	DH14CC			8,0	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
35	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC			9,0	8,0	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
36	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC			7,0	7,5	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
37	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			9,0	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
38	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC			9,0	9,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
39	14118208	Vũ Tấn Nguyên	DH14CC			9,0	9,5	5,0	6,8	0012345678910	0123456789
40	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC			8,0	9,5	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
41	13118227	Phan Văn Nhật	DH13CC			8,0	8,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
42	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			8,0	7,0	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
43	13118250	Bách Đình Quyết	DH13CC			7,0	8,5	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
44	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC			9,0	8,0	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
45	10137029	Nguyễn Tăng Thành	DH10NL			5,0	0,0	2,5	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204224



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật sấy (207222) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/01/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD200

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp

DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số 60 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13137130	Lương Tấn Thịnh	DH13NL			9,0	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
47	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL			8,0	7,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
48	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			6,0	7,0	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
49	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			9,0	7,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
50	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC			9,0	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
51	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC			9,0	6,0	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
52	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			8,0	8,0	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
53	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			9,0	8,5	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
54	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC			9,0	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
55	13118319	Nguyễn Huy Trung	DH13CC			9,0	8,5	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
56	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			8,0	8,5	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
57	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			9,0	9,5	5,0	6,8	0012345678910	0123456789
58	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC			7,0	7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
59	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			9,0	8,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
60	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			9,0	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204224



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm Kỹ thuật sấy (207222) - 001_DH13CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/01/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD200

Giảng viên: Lê Anh Đức

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC			9,0	9,5	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
62	14118089	Nguyễn Nhật Tuyền	DH14CC			8,0	9,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
63	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC			9,0	7,0	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
64	13118065	Lương Hoài Vinh	DH13CC			9,0	8,0	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
65	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC			9,0	8,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
66	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC			7,0	6,0	7,5	7,0	0012345678910	0123456789
67	14137099	Trương Quốc Vương	DH14NL			9,0	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
68	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC			9,0	9,0	9,5	9,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 66 Số sinh viên vắng: 2

Ngày 21 Tháng 01 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cao Đức Lợi

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Anh Đức

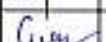
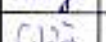
Cán Bộ Chấm Thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 03

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC						5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118096	Mai Thành Duy	DH13CC						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC						9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118109	Phạm Đại	DH13CC						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118012	Trần Vũ Tài Đức	DH13CC						✓	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 03

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118120	Trần Cự	Được	DH13CC	<i>TC</i>				8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	13118126	Lê Xuân	Hà	DH13CC	<i>LX</i>				8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	13118014	Bùi Văn	Hào	DH13CC	<i>BV</i>				7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	13118138	Nguyễn Văn	Hiếu	DH13CC	<i>NgHieu</i>				9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	13118146	Nguyễn Quốc	Hòa	DH13CC	<i>NQ</i>				9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	13118019	Vũ Xuân	Hoàng	DH13CC	<i>Wong</i>				7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	13118152	Bùi Văn	Hợi	DH13CC	<i>BV</i>				8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	13118162	Huỳnh Đức	Hùng	DH13CC	<i>HD</i>				6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	12118084	Trần Quang	Hưng	DH12CC	<i>TQ</i>				7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	13118170	Huỳnh Minh	Kha	DH13CC	<i>HM</i>				9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	13118180	Nguyễn Hồng	Khánh	DH13CC	<i>NH</i>				✓	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	13118183	Trương Nhật	Khánh	DH13CC	<i>TN</i>				8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	13118184	Vũ Văn	Khiêm	DH13CC	<i>WV</i>				8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	13118022	Trần Anh	Kiệt	DH13CC	<i>TA</i>				6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
33	13118023	Đoàn Nguyễn Anh	Kim	DH13CC	<i>DA</i>				7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	13118190	Trần Văn	La	DH13CC	<i>TV</i>				6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	13118194	Lê Hoàng	Lễ	DH13CC	<i>LH</i>				9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
36	13118196	Lê Văn	Linh	DH13CC	<i>LW</i>				8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ I - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 03

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

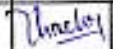
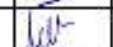
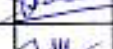
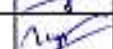
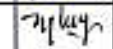
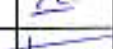
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118202	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CC						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyễn	DH13CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118037	Nguyễn Nhựt	DH13CC						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118227	Phan Văn Nhựt	DH13CC						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118236	Đặng Đình Phở	DH13CC						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13118240	Huỳnh Hữu Phước	DH13CC						✓	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	13118260	Lê Nguyễn Thành Tài	DH13CC						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13118267	Trương Minh Tâm	DH13CC						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 03

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
55	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC						8,0	○○○12345678910	0123456789
56	13118052	Cao Ngọc Thận	DH13CC						7,5	○○○12345678910	0123456789
57	13118053	Trần Thế Thiện	DH13CC						8,5	○○○12345678910	0123456789
58	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC						7,0	○○○12345678910	0123456789
59	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC						7,0	○○○12345678910	0123456789
60	13118056	Vô Đức Tiến	DH13CC						7,0	○○○12345678910	0123456789
61	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC						5,5	○○○12345678910	0123456789
62	13118365	Trần Văn Tĩnh	DH13CC						8,5	○○○12345678910	0123456789
63	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC						7,5	○○○12345678910	0123456789
64	13118308	Phạm Văn Trạng	DH13CC						8,0	○○○12345678910	0123456789
65	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC						8,0	○○○12345678910	0123456789
66	13118319	Nguyễn Huy Trung	DH13CC						6,5	○○○12345678910	0123456789
67	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC						8,0	○○○12345678910	0123456789
68	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC						8,0	○○○12345678910	0123456789
69	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC						8,0	○○○12345678910	0123456789
70	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC						6,5	○○○12345678910	0123456789
71	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC						7,0	○○○12345678910	0123456789
72	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC						7,5	○○○12345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207223) - 03

CBGD: Lê Văn Tuấn (807)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
73	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
74	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
75	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
76	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
77	13118063	Lê Văn Tuyền	DH13CC						9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
78	13118347	Mai Hoài Tuyền	DH13CC						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
79	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
80	13118065	Lương Hoài Vinh	DH13CC						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
81	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC						6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
82	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
83	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
84	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	DH12CC						5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
85	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC						9,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 3

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Bùi Ngọc Hùng


Lê Văn Tuấn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ lưu chất (207234) - 001_DH15NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 29/12/2016 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi PV323 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

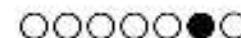
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			8.0	2.0	2.0	3.2	0012345678910	0123456789
2	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL			9.0	1.0	1.0	2.6	0012345678910	0123456789
3	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL			5.5	5.0	2.5	3.6	0012345678910	0123456789
4	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			9.0	2.0	3.0	4.0	0012345678910	0123456789
5	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			9.0	0.0	2.0	3.0	0012345678910	0123456789
6	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			8.0	2.5	2.5	3.6	0012345678910	0123456789
7	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			9.0	7.0	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
8	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL			8.0	0.0	2.0	2.8	0012345678910	0123456789
9	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			9.0	7.0	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
10	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			8.5	2.5	2.5	3.7	0012345678910	0123456789
11	15137015	Trương Hồng Hải	DH15NL							0012345678910	0123456789
12	14137032	Đặng Hoàng Hào	DH14NL			5.5	2.5	3.0	3.4	0012345678910	0123456789
13	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			8.0	2.0	4.0	4.4	0012345678910	0123456789
14	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			9.0	2.0	6.0	5.8	0012345678910	0123456789
15	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204225



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207234) - 001_DH15NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 29/12/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV323

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

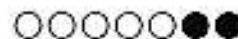
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 2.0 %	D2 2.0 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			9.0	2.0	4.5	4.9	0012345678910	0123456789
17	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			9.5	5.0	2.5	4.4	0012345678910	0123456789
18	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			6.5	0.0	2.5	2.8	0012345678910	0123456789
19	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL			6.0	3.0	3.0	3.6	0012345678910	0123456789
20	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			8.5	0.0	3.0	3.5	0012345678910	0123456789
21	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			8.0	2.0	3.5	4.1	0012345678910	0123456789
22	15137032	Nguyễn Bách Khoa	DH15NL			8.0	4.0	4.0	4.8	0012345678910	0123456789
23	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			9.0	7.0	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
24	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			9.0	7.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
25	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			8.5	1.0	5.5	5.2	0012345678910	0123456789
26	15137072	Nguyễn Quang Nhật	DH15NL			8.5	2.5	3.0	4.0	0012345678910	0123456789
27	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			9.0	0.0	2.0	3.0	0012345678910	0123456789
28	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			8.5	1.0	3.5	4.0	0012345678910	0123456789
29	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			9.0	2.0	2.5	3.7	0012345678910	0123456789
30	15137045	Võ Kim Sơn	DH15NL							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204225



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ lưu chất (207234) - 001_DH15NL_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 29/12/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV323

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			8.5	1.0	2.0	3.1	0012345678910	0123456789
32	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			9.5	4.0	3.0	4.5	0012345678910	0123456789
33	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			8.0	1.0	1.0	2.4	0012345678910	0123456789
34	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			8.5	3.0	5.5	5.6	0012345678910	0123456789
35	15137051	Trần Lê Công Thành	DH15NL			9.0	3.0	3.0	4.2	0012345678910	0123456789
36	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL			5.0	2.5	3.0	3.3	0012345678910	0123456789
37	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			8.0	2.0	1.5	2.9	0012345678910	0123456789
38	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			8.5	2.0	2.5	3.6	0012345678910	0123456789
39	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			9.0	4.0	4.0	5.0	0012345678910	0123456789
40	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			8.5	4.5	5.0	5.6	0012345678910	0123456789
41	15137060	Thái Minh Toàn	DH15NL			9.0	5.0	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
42	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			8.5	2.5	3.0	4.0	0012345678910	0123456789
43	15137063	Nguyễn Phước Trịch	DH15NL			7.5	2.5	0.0	2.0	0012345678910	0123456789
44	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			7.5	2.0	2.0	3.1	0012345678910	0123456789
45	15137065	Lê Trung	DH15NL			9.0	2.0	3.5	4.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 204225



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207234) - 001_DH15NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 29/12/2016

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV323

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 10%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14137088	Huỳnh Văn Trương	DH14NL			5.0	0.0	3.0	2.8	0012345678910	0123456789
47	14137006	Triệu Kim Tú	DH14NL			7.0	1.0	3.5	3.7	0012345678910	0123456789
48	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			9.0	3.0	5.0	5.4	0012345678910	0123456789
49	14137100	Huỳnh Nhật Vy	DH14NL			7.0	1.0	4.0	4.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 46. Số sinh viên vắng: 03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Phạm Quang Trọng

 Lê Quang Hoàn

 Nguyễn Văn Dũng

 Bùi